

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH XUẤT KHẨU GẠO TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NCS. TRẦN THẾ TUÂN* -
NCS. TRẦN MAI TRANG**

Việt Nam là cường quốc về xuất khẩu gạo trong nhiều năm, giá trị xuất khẩu gạo liên tục tăng cả về lượng và chất, đưa mặt hàng gạo trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thúc đẩy tăng trưởng chung của nền kinh tế, khẳng định được vị thế của Việt Nam trên thị trường gạo quốc tế. Tuy nhiên, chất lượng không đồng nhất và tính không ổn định của sản phẩm gạo đang ảnh hưởng lớn tới sức cạnh tranh của thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

1. Tổng quan về hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam

a. Thị trường gạo thế giới

Thị trường gạo thế giới dần trải ở khắp các châu lục, kể cả các nước châu Âu và Bắc Mỹ (chỉ coi gạo là lương thực phụ) nhưng sản lượng tiêu thụ với một khối lượng hàng triệu tấn gạo mỗi năm, có thể thấy sức tiêu thụ gạo là không hề nhỏ. Về sản lượng gạo thì châu Á là thị trường đứng đầu, chiếm 90% sản lượng gạo của cả thế giới. Theo tính toán của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) sản lượng gạo tiêu dùng trên toàn cầu niên vụ 2014 - 2015 đạt 500,1 triệu tấn, tăng 2% so với mức 490,1 triệu tấn trong niên vụ 2013 - 2014 và tăng nhẹ so với mức 499,6 triệu tấn được dự báo trước đó. FAO thông báo tổng lượng gạo được giao dịch trong niên vụ 2014 - 2015 đạt 41 triệu tấn, giảm nhẹ so với mức 41,3 triệu tấn trong niên vụ trước, nhưng tăng 1,2% so với mức 40,5 triệu tấn được dự báo trước đó. Nguyên nhân do nhu cầu về gạo của các

quốc gia châu Phi tăng lên cùng với nguồn cung gạo dồi dào của các nước xuất khẩu gạo (XKG).

b. Tình hình XKG của Việt Nam trong thời gian qua

Năm 2014, các thị trường XKG chính của Việt Nam bao gồm: Trung Quốc đạt 2,1 triệu tấn (chiếm 32%); Phi-líp-pin đạt 1,4 triệu tấn (chiếm 22%); châu Phi đạt 800 ngàn tấn (chiếm 12%); Ma-lai-xi-a đạt 450 ngàn tấn (chiếm 7%); In-đô-nê-xi-a đạt 350 ngàn tấn (chiếm 5%); Cu-ba đạt 300 ngàn tấn (chiếm gần 5%); các thị trường khác khoảng 1,1 triệu tấn (chiếm 17%).

Nước ta hiện giữ vị trí thứ ba thế giới về XKG sau Thái Lan và Ấn Độ. Năm 2014, XKG sang thị trường châu Phi đã giảm đến gần 60%, do sự cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường của Thái Lan với lượng gạo tồn kho cũ và giá rẻ, khiến thị phần gạo Việt

* Học viện Khoa học xã hội

** Viện Nghiên cứu châu Phi - Trung Đông

Nam ở thị trường châu Phi chỉ còn gạo thơm Jasmine. Tại thị trường châu Âu, lượng gạo xuất khẩu của nước ta cũng giảm tương đương, chiếm tới 57% so với năm 2013. Nguyên nhân là do gạo Việt Nam vào thị trường này phải đóng thuế cao, không cạnh tranh nổi với các nước được hưởng hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) và các nước được cấp hạn ngạch nhập khẩu với mức thuế thấp hơn.

Tuy nhiên, trong tình hình chung đó, theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), XKG chất lượng cao của Việt Nam những năm qua lại có mức tăng trưởng ấn tượng. Nếu năm 2010, gạo chất lượng cao xuất khẩu đạt 216.000 tấn thì đến năm 2014 đạt mức kỷ lục trên 1,3 triệu tấn. Giá gạo chất lượng cao xuất khẩu trong năm 2014 ở mức 380 - 620 USD/tấn, cao hơn các loại gạo khác. Rõ ràng, XKG chất lượng cao đang mở ra một hướng đi mới về thị trường hàng chất lượng cao. Nhu cầu nhập khẩu gạo thế giới hàng năm khoảng 34 triệu tấn, trong đó nhu cầu về gạo chất lượng cao khoảng hơn 3 triệu tấn, chiếm thị phần nhỏ khoảng 9% nhưng giá trung bình luôn cao hơn giá gạo thường. Hiện nay, Việt Nam đã đóng góp được khoảng 30% thị phần gạo chất lượng cao này.

Bên cạnh sự tăng trưởng về khối lượng G XK, chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam ngày càng được nâng cao về cả chất lượng gạo và chất lượng chế biến (phân theo tỷ lệ tấm). Trong những năm đầu XKG, tỷ lệ tấm cao trên 25% chiếm đến 80 - 90% tổng sản lượng gạo nên sức cạnh tranh kém, giá cả thấp. Hiện nay, loại gạo xuất khẩu có chất lượng cao là loại hạt dài, ít bạc bụng, với tỷ lệ tấm thấp (từ 5 - 10%) có xu hướng tăng dần, trong khi đó gạo có chất lượng trung bình (hạt tròn, bạc bụng, tỷ lệ tấm trên 10%) có xu hướng giảm dần. Có được điều này là do quá trình đầu tư vào khâu lựa chọn giống lúa cho năng suất cao để đưa vào sản xuất. Tuy nhiên, gạo Việt Nam chủ

yếu xuất khẩu sang các nước đang phát triển ở châu Á, còn các nước đòi hỏi gạo chất lượng cao Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được và gần đây các thị trường này có xu hướng giảm nhập khẩu gạo từ Việt Nam.

c. Những chính sách hỗ trợ hoạt động XKG

Hiện nay, ngành lúa gạo của Việt Nam được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ và trợ cấp từ ngân sách nhà nước nhưng chất lượng gạo vẫn chưa được nâng cao, xuất khẩu với giá thấp, vì vậy, Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những chính sách cơ bản nhằm hỗ trợ sản xuất lúa gạo, như:

- Triển khai cho vay mua tạm trữ thóc gạo. Vụ đông - xuân, hè - thu 2013 - 2014, nhằm ổn định giá lúa gạo trong thời kỳ thu hoạch ở đồng bằng sông Cửu Long cũng như bảo đảm thu nhập ổn định và hợp lý cho người trồng lúa, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan cũng như chỉ đạo trực tiếp các tổ chức tín dụng cung cấp vốn cho hoạt động thu mua tạm trữ 1 triệu tấn lúa vụ hè - thu năm 2013 tại đồng bằng sông Cửu Long. Tính hết tháng 4/2014, các ngân hàng thương mại đã giải ngân được trên 8.250 tỷ đồng với sản lượng gạo quy đổi là 980.000 tấn gạo, về cơ bản đạt kế hoạch được giao. Vụ mùa năm 2014 - 2015, tiếp tục đưa ra những tiêu chí, phân bổ chỉ tiêu cho các tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Cửu Long thu mua tạm trữ 1 triệu tấn gạo.

- Triển khai thực hiện những chính sách nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Thực hiện theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch nông sản, thủy sản, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 22/2012/TT-NHNN ngày 22/6/2012 hướng dẫn Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/QĐ-TTg. Đến đầu năm

2014, Chính phủ ban hành Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 thay thế hai quyết định nêu trên, trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/02/2014 quy định mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư máy móc thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, như đầu tư kho dự trữ, kho lạnh (kể cả kho lạnh trên tàu đánh bắt thủy hải sản) được vay vốn hỗ trợ lãi suất 100% trong 2 năm đầu và 50% trong những năm tiếp theo. Tính đến hết năm 2014, tổng số tiền giải ngân cho những đối tượng này đạt hơn 1.700 tỷ đồng.

- Triển khai cho vay thí điểm phục vụ Chương trình phát triển nông nghiệp. Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 05/3/2014 của Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-NHNN ngày 28/5/2014 quy định về việc cho vay thí điểm đối với các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Các ngân hàng thương mại thực hiện cho vay thí điểm đối với khách hàng có mục đích liên kết theo chuỗi từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; các dự án ứng dụng khoa học - công nghệ cao. Các mức lãi suất cho vay tối đa đối với các dự án vay thuộc chương trình thí điểm được áp dụng như sau: cho vay ngắn hạn là 7%/năm; trung hạn 10%/năm; dài hạn là 10,5%/năm. Theo Quyết định số 2662/QĐ-NHNN ngày 16/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước, các mức lãi suất nói trên được điều chỉnh giảm 0,5%/năm.

2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh XK

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, sản xuất, XK của Việt Nam hiện nay vẫn đang tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Nhu cầu nhập khẩu của một số thị trường truyền thống không ổn định,

cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng. Để nâng cao năng lực cạnh tranh XK, xin được đề xuất một số kiến nghị sau:

Một là, về chính sách tín dụng hỗ trợ hoạt động XK: chính sách trợ cấp tín dụng cho doanh nghiệp thu mua tạm trữ cần được thực hiện rõ ràng để bảo đảm tính hiệu quả của chính sách, bảo đảm nông dân có lãi ít nhất 30%, doanh nghiệp cần thu mua trực tiếp từ người nông dân chứ không thông qua thương lái như hiện tại. Chính sách tín dụng cũng cần hướng đến việc hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp trong việc tạm trữ lúa khi giá lúa trên thị trường xuống thấp, đồng thời hỗ trợ cho nông dân khoản tín dụng để trang trải các nhu cầu cấp bách. Việc giá lúa gạo tăng lên thì các hộ sẽ có khả năng hoàn trả lại tiền tạm ứng. Khi thực hiện chính sách tín dụng như vậy sẽ giúp người nông dân được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách của Nhà nước.

Hai là, chính sách về đầu tư: để hoạt động XK tận dụng được lợi thế của mình, Nhà nước cần tập trung điều chỉnh cơ cấu đầu tư và đầu tư đồng bộ cho cả quá trình sản xuất - chế biến - xuất khẩu. Nhà nước cần xác định trọng tâm lĩnh vực đầu tư, khu vực đầu tư (đầu tư cho vùng sản xuất lúa gạo tập trung, phát triển hệ thống giao thông vận tải, trung tâm giao dịch...) theo định hướng được nêu trong các nghị quyết của Đảng về việc xây dựng đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường cho sự vận động năng động của hàng hóa theo cơ chế thị trường có trật tự.

Ba là, hoàn thiện những quy định về điều kiện của doanh nghiệp XK: cần nói lỏng quy định đối với hoạt động kinh doanh XK để tránh tình trạng tập trung vào một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn. Việc tập trung vào một số ít doanh nghiệp khiến các doanh nghiệp này có xu hướng tìm các thị trường xuất khẩu các lô lớn cần loại gạo

chất lượng thấp với giá rẻ thay vì tìm kiếm xuất khẩu tại các thị trường cần loại gạo chất lượng cao. Chính sách nên hướng đến việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết với nông dân để sản xuất các giống lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ, đặc sản địa phương có thị trường đầu ra ổn định, lợi nhuận cao và tính cạnh tranh cao.

Bốn là, quy hoạch và xây dựng vùng nguyên liệu: cụ thể hóa quy hoạch vùng nguyên liệu đã được duyệt bằng kế hoạch, đầu tư vốn, khoa học - công nghệ để phát triển sản xuất lúa hàng hóa phù hợp với yêu cầu XKH trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Nội dung quy hoạch, kế hoạch và đầu tư cho vùng lúa gạo xuất khẩu phải bám sát nhu cầu thị trường gạo thế giới trong thời đại mới. Ngoài ra, trong công tác chỉ đạo cần triển khai các giải pháp đồng bộ để biến các quy hoạch thành thực tế, trong đó quan tâm đến giải pháp khuyến khích tích tụ và tập trung đất lúa trong vùng quy hoạch lúa xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Hồng nhằm từng bước hiện đại hóa quy trình sản xuất lúa để nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu.

Năm là, hình thành, xây dựng mạng lưới thu mua, vận chuyển lúa gạo: từ những đánh giá về các hình thức giao dịch thu mua lúa gạo xuất khẩu ở Việt Nam hiện nay, các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển hình thức giao dịch theo hợp đồng bằng văn bản. Với những ưu thế vượt trội của phương thức này như ổn định vùng nguyên liệu; ổn định và đồng đều về chất lượng sản phẩm; ổn định khách hàng; ổn định và phát triển sản xuất - kinh doanh, cùng với những hạn chế trong thực tế hiện nay, việc hình thành mạng lưới thu gom và vận chuyển lúa gạo xuất khẩu sẽ góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hóa khâu sau thu hoạch, tạo cơ sở cho hoạt động XKH.

Sáu là, tăng cường nghiên cứu công nghệ khoa học về cây giống, phân bón và thủy lợi: Nhà nước và các sở, ngành cần tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu lai tạo giống, đầu tư đổi mới công nghệ chế biến, bảo quản. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần ưu tiên cho các công trình thủy lợi ở các vùng lúa xuất khẩu để thực hiện tiêu chuẩn khoa học. Xuất phát từ thực trạng của ngành lúa gạo Việt Nam hiện nay, ngành nông nghiệp rất cần áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để giảm giá thành nhằm tiếp tục tận dụng lợi thế cạnh tranh về giá thành sản xuất thông qua các biện pháp đồng bộ về khuyến nông, chương trình giống, chính sách tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

Bảy là, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu: các thị trường truyền thống của Việt Nam tập trung chủ yếu ở khu vực châu Á, Đông Âu, Trung Đông và châu Phi. Cùng với thị trường truyền thống được giữ vững, những thị trường mới đã được mở thêm trong thời gian gần đây, như: EU, Mỹ, Nhật Bản, Ôt-xtrây-li-a. Giải pháp thị trường cần triển khai theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, *một mặt*, ổn định những thị trường đã có, *mặt khác*, cần tích cực mở rộng thị trường mới, nhất là các thị trường yêu cầu chất lượng gạo cao. Đồng thời, cũng cần phải tích cực nghiên cứu, dự báo thị trường để kịp thời điều hành hoạt động XKH hợp lý và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Phạm Văn Dư, ThS. Lê Thanh Tùng. *Tiêu chí xây dựng cánh đồng mẫu lớn*. H. NXB Nông Nghiệp, TP. Hồ Chí Minh, 2011.
2. *Đề án Nâng cao giá trị gia tăng hàng nông, lâm, thủy sản*. Dự thảo (07/02/2014), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Trần Tiến Khai. *Chính sách xuất khẩu lúa gạo Việt Nam và những vấn đề cần điều chỉnh/* Kỷ yếu Hội thảo Phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngày 28/10/2010/ Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Cần Thơ.